

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Triệu Văn V, sinh năm 1984; dân tộc: Dao

- *Bị đơn:* Chị Âu Thị Kim D, sinh năm 1983; dân tộc: Tày

Cùng địa chỉ: Đội 2, thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H; anh V, chị D đều vắng mặt tại phiên tòa và cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Triệu Văn V trình bày: Anh và chị Âu Thị Kim D tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến cuối năm 2009 tại thôn T (nay là thôn Đ), xã V, huyện B, tỉnh H. Đến đầu năm 2010,

anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D chuyển về sinh sống tại đội 2, thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại một trong hai Ủy ban nhân dân xã nơi anh hoặc chị cư trú thực hiện, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, do nghi ngờ một bên không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến nay anh V nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Ấu Thị Kim D.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Ấu Thị Kim D xác nhận: Lời khai của anh V về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của anh V. Hiện nay anh V có yêu cầu xin được ly hôn thì chị nhất trí.

Về con chung: Anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu thứ nhất tên là Triệu Thị Thu C, sinh ngày 03/4/2006, cháu thứ hai tên là Triệu Khắc D, sinh ngày 06/5/2008.

Về chia tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thoả thuận và đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 04/01/2022 và ngày 05/01/2022 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện Ủy ban nhân dân xã V, Ủy ban nhân dân xã V nơi anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến cuối năm 2009 tại thôn T (nay là thôn Đ), xã V, huyện B, tỉnh H. Đến đầu năm 2010, anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D chuyển về sinh sống tại đội 2, thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H. Đến tháng 8/2012, anh Triệu Văn V mới chuyển khẩu về thôn V, xã V kể từ đó cho đến nay. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay

nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phúc nơi anh chị cư trú, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, do nghi ngờ một bên không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu Triệu Thị Thu C, sinh ngày 03/4/2006 và cháu Triệu Khắc D, sinh ngày 06/5/2008. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị D tại đội 2, thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H. Chị D có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu tốt.

Do anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, mà tiến hành hòa giải về con chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự; về án phí, anh Triệu Văn V tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Triệu Văn V có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là chị Âu Thị Kim D, chị Âu Thị Kim D cư trú tại thôn V, xã V huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Triệu Văn V và bị đơn là chị Âu Thị Kim D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc anh Triệu Văn V và chị Âu Thị Kim D bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn tại một trong hai UBND xã Vĩnh Phúc hoặc UBND xã Vĩnh Hảo nơi anh, chị cư trú thực hiện, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phúc và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Văn V cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] Về việc nuôi con: Anh Triệu Văn V và chị Âu Thị Kim D, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, giao hai cháu Triệu Thị Thu C, sinh ngày 03/4/2006 và cháu Triệu Khắc D, sinh ngày 06/5/2008 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu. Mức cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thị Thu C là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng đối với cháu Triệu Khắc D là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng nuôi hai cháu

kể từ tháng 03/2022 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng theo định kỳ mỗi tháng một lần. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu là chị Ấu Thị Kim D. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần công nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa và có yêu cầu Tòa án ghi nhận nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch. Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D;

- **Về việc nuôi con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Triệu Văn V và chị Ấu Thị Kim D; giao hai cháu Triệu Thị Thu C, sinh ngày 03/4/2006 và cháu Triệu Khắc D, sinh ngày 06/5/2008 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu; mức cấp dưỡng đối với mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng cho đến khi cháu C, cháu D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2022 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng theo định kỳ mỗi tháng một lần. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu là chị Ấu Thị Kim D.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh V, chị D có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Anh Triệu Văn V và chị Âu Thị Kim D tự nguyện thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Triệu Văn V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn anh V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003076, ngày 03/12/2021, của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Anh Triệu Văn V phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Chị Âu Thị Kim D không phải chịu án phí.

- **Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh

Nguyễn Hồng Diễm

Đinh Thị Hồng